

Số: LT/CV-DL1

Gia Lai, ngày 18 tháng 8 năm 2017

V/v Giải trình LNST 6 tháng đầu năm
2017 thay đổi trên 10% so với 6 tháng
đầu năm 2016 và chênh lệch trước và sau
kiểm toán trên 5%

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất 6 tháng đầu năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC; Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2017

Công ty xin giải trình lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2017 thay đổi so với 6 tháng đầu năm 2016 và lợi nhuận sau thuế chênh lệch trước và sau kiểm toán như sau:

A. Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên 6 tháng đầu năm 2017 so với 6 tháng đầu năm 2016:

I. Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước trên BCTC riêng lẻ:

Chỉ tiêu	Số liệu kiểm toán		Chênh lệch	%
	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016		
	(1)	(2)		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.831.309.015	9.773.857.517	(1.942.548.502)	(4)=-19,87%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.358.105.305	1.964.012.368	394.092.937	20%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.473.203.710	7.809.845.149	(2.336.641.439)	-29,92%

Quá trình sản xuất 6 tháng đầu năm 2017 so với 6 tháng đầu năm 2016 cơ sở giảm doanh thu và giảm lợi nhuận

- Lưu lượng khách các tuyến tương đối, doanh thu kỳ này giảm 9,92% so với cùng kỳ năm trước
- Cơ cấu giá vốn hàng bán chiếm trong doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kỳ này chiếm 40,03%, cùng kỳ năm trước chiếm 30,65 %
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 66% so với cùng kỳ năm trước
- Chi phí tài chính về lãi vay giảm 19,55 % so với cùng kỳ năm trước
- Chi phí bán hàng giảm 4,29 % so với cùng kỳ năm trước

- Chi phí quản lý tăng 10,79% so với cùng kỳ năm trước

Chi phí tăng so với cùng kỳ năm trước, cơ cấu chi phí kỳ này chiếm trong doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ như chi phí bán hàng kỳ này chiếm 3,78 %, kỳ trước chiếm 3,56 % . Chi phí quản lý kỳ này chiếm 10,34% , kỳ trước chiếm 8,4 %.

II. Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước trên BCTC hợp nhất :

Chỉ tiêu	Số liệu kiểm toán		Chênh lệch	% Tăng/ giảm
	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016		
	(1)	(2)		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.145.451.877	10.320.250.423	(2.174.798.546)	-21,07%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.434.946.536	2.010.808.241	424.138.295	21%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.745.669.716	8.309.442.182	(2.563.772.466)	-30,85%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	5.678.917.974	8.263.231.799	(2.584.313.825)	-31,27%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	66.751.742	46.210.383	20.541.359	44,4%

Quá trình sản xuất 6 tháng đầu năm 2017 so với 6 tháng đầu năm 2016 cơ sở tăng doanh thu và giảm lợi nhuận

- Doanh thu tăng , doanh thu kỳ này tăng 30,57% so với cùng kỳ năm trước
- Cơ cấu giá vốn hàng bán chiếm trong doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kỳ này chiếm 91,57%, cùng kỳ năm trước chiếm 85,31 %
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng so với cùng kỳ năm trước
- Chi phí tài chính tăng 24,91 % so với cùng kỳ năm trước
- Chi phí bán hàng giảm 1,67 % so với cùng kỳ năm trước
- Chi phí quản lý tăng 8,06% so với cùng kỳ năm trước

Chi phí tăng so với cùng kỳ năm trước, cơ cấu chi phí kỳ này chiếm trong doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ như chi phí bán hàng kỳ này chiếm 0,53 %, kỳ trước chiếm 0,69 % . Chi phí quản lý kỳ này chiếm 1,62% , kỳ trước chiếm 1,95 %.

B. Giải trình số liệu BCTC 6 tháng đầu năm 2017 có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên:

I. Các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán riêng:

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH
Phải thu ngắn hạn khác	136	4.685.809.935	1.916.189.717	2.769.620.218
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(1.300.360.089)	(1.124.538.212)	(175.821.877)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	196.629.890.470	194.036.092.129	2.593.798.341
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.086.066.810	2.121.231.185	(35.164.375)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19.705.947.138	17.076.984.422	2.628.962.716
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>	<i>13.648.476.026</i>	<i>11.603.780.712</i>	<i>2.044.695.314</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>	<i>6.057.471.112</i>	<i>5.473.203.710</i>	<i>584.267.402</i>
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	196.629.890.470	194.036.092.129	2.593.798.341

1. Phải thu ngắn hạn khác tăng 2.769.620.218 VNĐ do ghi nhận sai tính chất doanh thu hoạt động tài chính liên quan đến các khoản phải thu của các cá nhân mượn tiền trên BCTC tự lập.

2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tăng 175.821.877 VNĐ do chưa ghi nhận khoản hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Tây Nguyên - Công ty con lợi nhuận 6 tháng 2017: 183.101.304 VNĐ.

3. Lợi nhuận tăng là do ghi nhận sai doanh thu hoạt động tài chính trên BCTC tự lập .

II. Các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh riêng:

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH
Chi phí tài chính	22	143.935.804	(31.886.073)	(175.821.877)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	7.655.487.138	7.831.309.015	(175.821.877)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.598.016.026	2.358.105.305	(760.089.279)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	6.057.471.112	5.473.203.710	584.267.402

1. Chi phí tài chính giảm 175.821.877 VNĐ là do Công ty ghi nhận thiếu chi phí tài chính hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư tiền trên BCTC tự lập đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Tây Nguyên - Công ty con.

2. Lợi nhuận trước thuế giảm khoản tương ứng chi phí tài chính hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư trên BCTC tự lập, chi phí điều chỉnh thuế TNDN hiện hành kỳ trước vào chi phí TNDN hiện hành kỳ này dẫn đến Lợi nhuận sau thuế giảm theo tương ứng.

3. Các điều chỉnh khác có ảnh hưởng không đáng kể.

III. Các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất:

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	21.878.060.408	5.878.060.408	16.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	4.873.097.435	2.278.666.329	2.594.431.106
Phải thu dài hạn khác	216	184.400.000	76.184.400.000	(76.000.000.000)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	60.000.000.000	0	60.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	315.991.860.537	313.383.562.763	2.608.297.774
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	3.971.285	30.190.118	(26.218.833)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	260.072.018	224.907.643	35.164.375
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20.040.965.514	17.344.190.969	2.696.774.545
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>	<i>13.709.968.309</i>	<i>11.665.272.995</i>	<i>2.044.695.314</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>	<i>6.330.997.205</i>	<i>5.678.917.974</i>	<i>652.079.231</i>
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	315.991.860.537	313.383.562.763	2.608.297.774

1. Trả trước cho người bán ngắn hạn chênh lệch 16.000.000.000 VNĐ là do Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện Kim Tây Nguyên – Công ty con ghi nhầm tài khoản trả trước người bán trên BCTC tự lập.

2. Phải thu ngắn hạn khác tăng 2.594.431.106VNĐ do trên BCTC Công ty mẹ ghi nhận sai liên quan đến các khoản phải thu của các cá nhân mượn tiền đã trình bày mục I (1) .

3. Phải thu dài hạn khác giảm 76.000.000.000 VNĐ do là do Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện Kim Tây Nguyên – Công ty con ghi sai tài khoản trả trước người bán và khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trên BCTC tự lập.

4. Chi phí phải trả ngắn hạn giảm 26.218.833VNĐ là do Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện Kim Tây Nguyên- Công ty con ghi nhận nhầm vào khoản phải trả ngắn hạn khác và điều chỉnh lại.

5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả giảm 35.164.375 VNĐ là khoản thuế hoãn nhập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính trên báo cáo Công ty mẹ.

6. Lợi nhuận tăng là do ghi nhận sai doanh thu hoạt động tài chính trên BCTC tự lập Công ty mẹ .

7. Các điều chỉnh khác ảnh hưởng không đáng kể.

IV. Các chỉ tiêu trên bảng báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất:

	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH
Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.258.067.450	2.443.446.615	(185.379.165)
Chi phí tài chính	22	915.409.166	1.050.004.537	(134.595.371)
Chi phí khác	32	129.719.557	177.087.929	(47.368.372)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.701.320.757	2.434.946.536	(733.625.779)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	0	(35.164.375)	35.164.375
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	6.393.347.326	5.745.669.716	647.677.610
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61	6.330.997.205	5.678.917.974	652.079.231
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	62.350.121	66.751.742	(4.401.621)

1. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 185.379.165 VNĐ do Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện Kim Tây Nguyên – Công ty con ghi nhận thiếu doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ trên BCTC tự lập.

2. Chi phí tài chính giảm 134.595.371 VNĐ do Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện Kim Tây Nguyên – Công ty con ghi nhận thiếu chi phí lãi vay trên BCTC tự lập.

3. Chi phí khác giảm 47.368.372 VNĐ do chi phí ghi nhận nhằm tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp và điều chỉnh lại Công ty mẹ.

4. Lợi nhuận sau thuế TNDN thuộc cổ đông công ty mẹ sau kiểm toán giảm 652.079.231 VNĐ và lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát tăng 4.401.621 VNĐ so với số liệu trước kiểm toán chủ yếu do điều chỉnh các khoản thuế TNDN hiện hành trên BCTC tự lập Công ty mẹ và Doanh thu hoạt động tài chính đã trình bày mục II(2), mục III (6)

5. Chi phí thuế TNDN hoãn lại tăng do trên báo Công ty mẹ riêng không ghi nhận hoàn nhập chi phí tài chính để tăng thuế TNDN và loại trừ thuế TNDN hoãn lại .

6. Các điều chỉnh khác ảnh hưởng không đáng kể.

Trên đây là giải trình cho các chênh lệch trọng yếu của BCTC đã kiểm toán so với số liệu trước kiểm toán của Công ty về nội dung liên quan đến báo cáo tài chính riêng lẻ và báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2017 .

Trân trọng kính chào !

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu KT

CTCP ĐTPT DV CTCC

ĐỨC LONG GIA LAI

Giám đốc



Nguyễn Tường Cột